TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 432/2018/HNGĐ–ST
Ngày 24-7-2018.
V/v tranh chấp " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vũ.

2. Ông Dương Văn Hai.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tơ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú-tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà*:** Bà Lê Ánh Nguyệt-Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2018/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1626/2018/QĐST–HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Mai Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp TB, xã M, huyện MN, tỉnh Bến Tre. Tạm trú: ấp TS, xã C, huyện MN, tỉnh Bến Tre. Chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn**: Phạm Văn L, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp TB, xã M, huyện MN, tỉnh Bến Tre. Tạm trú: Công ty TNHH đầu tư thủy sản Huy Thuận (ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre). Anh L có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện MN-Phòng Giao dịch Tân Trung.

- **Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện MN**: Ông Phạm Hồng V-Chức vụ Phó giám đốc phụ trách.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hồng V (Theo văn bản ủy quyền số 47/QĐ-NHN$_o$MCN-TH ngày 07/6/2018): Bà Nguyễn Thị Hoàng M - Chức vụ Giám đốc Phòng Giao dịch Tân Trung. Bà M có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Mai Thị L trình bày:

Vào năm 2000 chị và anh L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Minh Đức và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/12/2000. Trong thời gian chung sống chị và anh L có 02 con chung tên Phạm Mai H1, sinh ngày 01/3/2002 và Phạm Mai H2, sinh ngày 01/4/2004; hiện con chung đang sống chung với chị. Trong thời gian chung sống chị và anh L có tạo lập được tài sản chung là nhà và đất nhưng không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: chị và anh L có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện MN-Phòng Giao dịch Tân Trung số tiền 200.000.000 đồng; nay anh L đồng ý trả toàn bộ thì chị đồng ý.

Lý do chị và anh L không còn sống chung: do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Chị và anh L có nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Tại Tòa chị có các yêu cầu sau:

- Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh L. Sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng cho chị.

- Về con chung: chị yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung tên Phạm Mai H1, sinh ngày 01/3/2002 và Phạm Mai H2, sinh ngày 01/4/2004; chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: chị và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Phạm Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung anh thừa nhận đúng như lời trình bày của chị L.

Lý do anh và chị L không còn sống chung: anh và chị L có xảy ra cãi vã không đáng kể do anh có đi nhậu với bạn bè nhưng anh cũng nhận thấy sai sót của mình và có hướng khắc phục nhưng chị L không đồng ý hàn gắn tình cảm với anh. Giữa anh và chị L không còn sống chung từ tháng 8/2017 cho đến nay.

Hiện anh vẫn còn thương vợ, thương con và mong muốn hàn gắn tình cảm với chị L.

Trước các yêu cầu của chị L anh có ý kiến sau:

- Về hôn nhân: anh không đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: anh đồng ý giao con chung cho chị L nuôi và anh không yêu cầu ghi nhận việc cấp dưỡng của anh đối với con chung trong bản án của Tòa án.

- Về tài sản chung: anh và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện MN-Phòng Giao dịch Tân Trung số tiền 200.000.000 đồng; anh đồng ý trả toàn bộ.

Trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Hoàng M-là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 7103 LAV 201702581 ngày 11/7/2017, ông Phạm Văn L và bà Mai Thị L có vay của Phòng giao dịch Tân Trung số tiền 200.000.000 đồng; ngày vay 17/7/2017; hạn trả 17/7/2020. Trong đó số dư nợ gốc là 200.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính là 525.000 đồng. Theo hợp đồng đảm bảo số 2017.07.31.0053/HĐTC ngày 11/7/2017 thì tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là 3.528 m^2 quyền sử dụng đất thuộc thửa số 766, tờ bản đồ số 02 do ông Phạm Văn L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà L và ông L yêu cầu ly hôn tại Tòa án thì Ngân hàng đồng ý cho anh L nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng không có yêu cầu khởi kiện yêu cầu độc lập đối với ông L trong vụ án này; nếu sau này anh L không thực hiện trả nợ như cam kết thì Ngân hàng sẽ xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của chị L, anh L và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Xét thấy: từ tháng 8/2017 cho đến nay chị L và anh L không còn sống chung, giữa chị L và anh L không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau; anh L không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn tình cảm với chị L và chị L cũng không đồng ý. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh

L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: anh Phạm Văn L có đăng ký hộ khẩu tại ấp Tân Hòa B, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nhưng hiện đang làm việc và tạm trú tại Công ty TNHH đầu tư thủy sản Huy Thuận (ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: năm 2000 chị L và anh L tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/12/2000. Do đó, việc kết hôn và đăng ký kết hôn của chị L và anh L là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian chung sống giữa chị L và anh L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị L và anh L đã sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay. Anh L thừa nhận giữa anh và chị L xảy ra mâu thuẫn và chưa hàn gắn được tuy nhiên anh L không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm với chị L và chị L cũng không đồng ý hàn gắn với anh L. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị L và anh L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: chị L và anh L có 02 con chung tên Phạm Mai H1, sinh ngày 01/3/2002 và Phạm Mai H2, sinh ngày 01/4/2004, khi ly hôn chị L yêu

cầu trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Xét thấy: từ khi chị L và anh L không còn sống chung cho đến nay chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần; hơn nữa hai con chung Mai H1 và Mai H2 có nguyện vọng sống chung với chị L. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao con chung tên Phạm Mai H1 và Phạm Mai H2 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp. Do chị L không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Anh Phạm Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Phạm Văn L có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, chị Mai Thị L có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: chị L và anh L tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

[7] Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Mai Thị L phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị L.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Mai Thị L. Chị Mai Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn L. Do chị L, anh L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: chị Mai Thị L được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Phạm Mai H1, sinh ngày 01/3/2002 và Phạm Mai H2, sinh ngày 01/4/2004. Chị L không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh Phạm Văn L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp

nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Mai Thị L có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: chị L và anh L tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Mai Thị L phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011630 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Thanh Minh